TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Thu Huyền.***
Các Hội thẩm nhân dân: ***Bà Nguyễn Thị Cúc.***
Ông Nguyễn Viết Thắng.
Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Mai –*** *Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.*
Đại diện VKSND quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Ông Phạm Sỹ Nguyên –*** *Kiểm sát viên.*

Ngày 31/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2017 về tranh chấp "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017. Giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** ***Chị Phạm Thị H*** – Sinh năm 19XX.
Nghề nghiệp: Làm tóc.
HKTT: Phường T – quận H – thành phố Hà Nội.
Nơi ở: Phường M – quận H – thành phố Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn:** ***Anh Ngô Anh T*** – Sinh năm 19XX.
HKTT và nơi ở: Phường T – quận H – thành phố Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại bản tự khai ngày 14/4/2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/6/2017, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:***

Chị và anh Ngô Anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/1993 tại UBND phường T – quận H – thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả hai anh chị.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại phường T – quận H – thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến gia đình vợ con, hay mắng chửi vợ con. Gia đình hai bên cũng biết và cũng đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vì vậy nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai

Đến nay, chị xác định chị không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Ngô Anh B – sinh ngày 29/12/19XX và Ngô Anh C – sinh ngày 01/8/20XX. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt và đang sống cùng với anh T. Cháu Ngô Anh B hiện nay đã trưởng thành.

Sau khi ly hôn chị tôn trọng quyền lựa chọn của cháu Ngô Anh C về việc muốn ở với bố hay mẹ. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh T sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nhà ở chung: Chị và anh T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh T không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

***** Anh Ngô Anh T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy không có lời khai của anh T.

**** Tại phiên tòa:***

+ Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài,hai vợ chồng đã sống ly thân quá lâu. Tháng 10/2016 chị đã một lần làm đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh T nhưng sau đó chị đã rút đơn về để đoàn tụ vợ chồng, tuy nhiên từ thời gian đó cho đến nay hai vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn có sự quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được. Vì vậy chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung như chị đã trình bày. Cháu Ngô Anh B đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tôn trọng quyết định của cháu Ngô Anh C về việc cháu có nguyện vọng được ở với anh T, chị đồng ý để cháu C được ở với bố, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với anh T là 3.000.000 đồng/ tháng.

+ Về tài sản, nhà ở chung và vay nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QDST-HNGĐ ngày 07/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017, anh T đã từ chối không nhận văn bản. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tiến hành thụ lý vụ án, phân công Thẩm phán và Thư ký, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Về thủ tục chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo qui định của pháp luật.

Thực hiện đúng qui định về việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng.

Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng qui định.

Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: Chị Phạm Thị H và anh Ngô Anh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường T – quận H – thành phố Hà Nội ngày 23/12/1993, do đó hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ.

Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến gia đình vợ con, hay mắng chửi vợ con, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2015. Tháng 10/2016 chị H đã nộp đơn

đến Tòa án xin ly hôn với anh T, nhưng sau đó chị H đã rút đơn về đoàn tụ vợ chồng, tuy nhiên quá trình từ đó cho đến nay, cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được, mâu thuẫn vẫn căng thẳng, mỗi người vẫn sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ngô Anh B – sinh ngày 29/12/19XX và Ngô Anh C – sinh ngày 01/8/20XX.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Ngô Anh T.

Về con chung: Chị H, anh T có 02 con chung. Cháu Ngô Anh B đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét. Cháu Ngô Anh C hiện nay đang sống cùng anh T và cũng có nguyện vọng được ở cùng bố, nên giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Phạm Thị H và anh Ngô Anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/1993 tại UBND phường T – quận H – thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả chị H và anh T, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại phường T – quận H – thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu và không có trách nhiệm với gia đình vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị H đã phải về nhà mẹ đẻ ở tại phường M – quận H – thành phố Hà Nội ở từ tháng 7/2015 cho đến nay. Tháng 10/2016 chị H đã một lần nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xin ly hôn với anh T, sau đó chị H đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên kể từ thời gian đó cho đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng không thể cải thiện được và mỗi người vẫn sống riêng một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn và kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Về phía anh T mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án và cũng không nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Qua xác minh tổ dân phố phường T và Công an phường T – quận H – thành phố Hà Nội là nơi chị H và anh T đã từng chung sống được cung cấp: Chị H và anh T kết

hôn khoảng năm 1992, đến năm 1993 mới đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T tại phường T – quận H – thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống chị H và anh T không biểu hiện việc có mâu thuẫn hay cãi vã. Từ tháng 7/2015 chị H đã về nhà mẹ đẻ sống tại phường M – quận H – Hà Nội, còn ba bố con anh T vẫn ở tại phường T – quận H – thành phố Hà Nội cùng bố đẻ anh T là Ngô Đình Đ – sinh năm 19XX, mẹ đẻ anh T là Lý Thị X – sinh năm 19XX. Nguyên nhân vì sao chị H về nhà mẹ đẻ ở thì tổ dân phố không được biết vì đây là việc riêng của gia đình anh T. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, quan điểm của tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Qua trao đổi bố đẻ chị H là ông Phạm Ngọc Th cho biết: Chị H và anh T kết hôn từ năm 1993, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng anh chị diễn ra như thế nào ông ở xa nên cũng không nắm được. Chị H là người kín đáo và ít nói nên chị H cũng không kể gì cho bố mẹ biết. Từ tháng 7/2015 chị H đã dọn về ở cùng với ông bà và nói rằng vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp nhau. Sau khi chị H dọn về nhà ông ở một thời gian thì anh T có đến nhà và vứt chất bẩn, chất thải vào nhà ông, khi đó anh trai chị H có nói sẽ báo Công an nên anh T đã bỏ về và từ đó không dám đến nữa. Hai bên gia đình cũng chưa lần nào gặp nhau để giải quyết việc này. Các con chị H và anh T vẫn ở cùng bố và thỉnh thoảng đến chơi thăm mẹ. Theo ông được biết thì trước đây anh T đã có lần làm đơn xin ly hôn với chị H và chị H cũng đã ký vào đơn, nhưng ông không hiểu tại sao anh T chưa làm. Quan điểm của ông là anh chị đã tự quyết định lấy nhau thì nay nếu mâu thuẫn không thể giải quyết được thì anh chị cũng phải tự quyết định, về phía gia đình ông không có ý kiến gì.

Qua các tài liệu Tòa án thu thập có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T là có thật, mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không thể hiện ra bên ngoài, tổ dân phố cũng chưa phải can thiệp, mâu thuẫn chỉ trong khuôn khổ gia đình, bản thân con trai chị H cũng đã công nhận bố mẹ đã có mâu thuẫn từ lâu, tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị H và anh T không thể giải quyết được, thể hiện ở việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay, thời gian vợ chồng sống ly thân đã quá lâu, tháng 10/2016 chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, sau đó chị H đã rút đơn về đoàn tụ vợ chồng nhưng hai bên vẫn không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn, mà mỗi người vẫn ở một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Xét cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay. Việc chị H xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Do anh T cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Ngô Anh T.

+ Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh T có 02 con chung là Ngô Anh B - sinh ngày 29/12/19XX và Ngô Anh C – sinh ngày 01/8/20XX.

Cả hai cháu hiện nay đều có sức khỏe tốt. Cháu Ngô Anh B hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Ngô Anh C hiện nay đang sống ổn định cùng anh T và có nguyện vọng được ở với bố và anh trai, chị H tôn trọng ý kiến của con và cũng nhất trí để cháu C được ở với anh T. Do vậy nên Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Anh C cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu C trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng muôi con đối với anh T là 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu C trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T cũng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Tcũng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H.
- Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Ngô Anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Ngô Anh B - sinh ngày 29/12/19XX và Ngô Anh C – sinh ngày 01/8/20XX.

Cháu Ngô Anh B đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét.

Giao cháu Ngô Anh C cho anh Ngô Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con đối với anh T là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu Ngô Anh C đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về vay nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 02560 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội, chị H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- UBND P.T-Q.H-HN,
(GCNKH số XXX ngày 23/12/1993);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền